

Số: 2435 /SXD-QLXD Hà Nam, ngày 16 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO**  
**Tình hình hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam năm 2019**

Kính gửi:

- Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam.

Thực hiện Văn bản số 988/HĐXD-VP ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Cục Quản lý hoạt động xây dựng về việc Báo cáo tình hình hoạt động xây dựng năm 2019.

Sau khi xin ý kiến các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố, Sở Xây dựng Hà Nam báo cáo về tình hình hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh năm 2019 với những nội dung sau:

**1. Về cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn**

Theo Phụ lục số 01 và số 02.

**2. Về điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng**

a) Về chứng chỉ hành nghề của cá nhân tham gia hoạt động xây dựng

Tổng số chứng chỉ đã cấp năm 2019: **54 chứng chỉ**. Trong đó:

- Hạng II: 0 chứng chỉ
- Hạng III: 54 chứng chỉ

b) Về điều kiện năng lực của tổ chức tham gia hoạt động xây dựng

Tổng số chứng chỉ đã cấp năm 2019: **81 chứng chỉ**. Trong đó:

- Hạng II: 17 chứng chỉ
- Hạng III: 64 chứng chỉ

c) Nhận xét, đánh giá tình hình triển khai công tác cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định

Công tác cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam năm 2019 được thực hiện theo Thông tư của Bộ Xây dựng: Thông tư số 08/2018/TT-BXD ngày 05 tháng 10 năm 2018 về hướng dẫn một số nội

dung về chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

Hiện tại, máy móc, trang thiết bị phục vụ công tác sát hạch được bố trí tại Chi cục Giám định - Sở Xây dựng. Công tác cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng triển khai kịp thời và đúng quy định.

Đề nghị Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết đối với các trường hợp xin cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế đường dây và trạm biến áp, thiết kế mỏ (*nội dung thi sát hạch, điều kiện về bằng tốt nghiệp và yêu cầu kinh nghiệm thiết kế*).

### **3. Về cấp giấy phép hoạt động cho nhà thầu nước ngoài**

Tổng số: **0** giấy phép.

**4. Tổng hợp số liệu về công tác thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình đã thực hiện:** Theo Phụ lục số 03.

Trên đây là báo cáo về tình hình hoạt động xây dựng năm 2019 trên địa bàn tỉnh Hà Nam. Sở Xây dựng Hà Nam trân trọng báo cáo./.

***Nơi nhận:***

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, QLXD;
- CV (M)-2019/1373.

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Quang Huy**

## Phụ lục số 01

**Biểu số: 01/BCĐP**  
**Thông tư số 07/2018/TT-BXD**  
**ngày 08/8/2018 của Bộ Xây dựng**

**Đơn vị báo cáo:**  
**Sở Xây dựng Hà Nam**

**TỔNG SỐ CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI TRÊN ĐỊA BÀN**  
**(năm 2019)**  
**(Kèm theo Văn bản số ...../SXD-QLXD ngày ...../12/2019 của Sở Xây dựng Hà Nam)**

	Mã số	Tổng số công trình khởi công mới trên địa bàn (ĐVT: Công trình)	
		Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ báo cáo
A	B	1	2
<b>Tổng số</b>	01		
<b>I. Phân theo quy mô dự án</b>			
- Công trình thuộc dự án quan trọng quốc gia	02		
- Công trình thuộc dự án nhóm A	03		
- Công trình thuộc dự án nhóm B	04	213	252
- Công trình thuộc dự án nhóm C	05	317	587
<b>II. Phân loại công trình theo công năng</b>			
- Công trình dân dụng	06	267	282
- Công trình công nghiệp	07	48	272
- Công trình hạ tầng kỹ thuật	08	84	93
- Công trình giao thông	09	83	158
- Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	10	48	34

## Phụ lục số 02

*Biểu số: 02/BCĐP  
Thông tư số 07/2018/TT-BXD  
ngày 08/8/2018 của Bộ Xây dựng*

*Đơn vị báo cáo:  
Sở Xây dựng Hà Nam*

### **TỔNG SỐ GIẤY PHÉP XÂY DỰNG ĐƯỢC CẤP VÀ SỐ CÔNG TRÌNH VI PHẠM QUY ĐỊNH TRẬT TỰ XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN (năm 2019)**

*(Kèm theo Văn bản số ...../SXD-QLXD ngày ...../12/2019 của Sở Xây dựng Hà Nam)*

	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thực hiện cùng kỳ năm trước</b>	<b>Thực hiện trong kỳ báo cáo</b>
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>1</b>	<b>2</b>
<b>I. Tổng số giấy phép xây dựng được cấp</b>	GPXD	1	1.051	1.181
<b>Chia ra:</b>				
1. Cấp cho nhà ở riêng lẻ	GPXD	2	967	1.099
2. Cấp cho các công trình/dự án	GPXD	3	84	82
<b>II. Tổng số các công trình được kiểm tra, thanh tra về trật tự xây dựng</b>		4		
<b>Trong đó:</b>				
1. Số công trình vi phạm quy định trật tự xây dựng	Công trình	5		
1.1. Không phép	Công trình	6	36	41
1.2. Sai phép	Công trình	7	18	17
1.3. Vi phạm khác	Công trình	8	28	0
2. Kết quả xử phạt				
2.1. Số lượng quyết định xử phạt	Quyết định	9	04	01
2.2. Số lượng quyết định xử phạt đã được chấp hành	Quyết định	10	04	01
2.3. Số lượng QĐ xử phạt bị cưỡng chế thi hành	Quyết định	11	03	0